

SỞ GD & ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT QUỐC TUẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/TB-THPTQT

An Lão, ngày 01 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	800		441	359	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	771 96,38%		412 93,4%	359 100%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	28 3,5%		28 6,35%	00	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,14		01 0,23%	00	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00			00	
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	358	358			
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		346 96,65%			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		12 3,35%			
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		00			
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)		00			
II.1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	800		441	359	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	442 52,75%		180 40,82%	242 67,41%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	370 46,25%		254 57,6%	116 32,31%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	08 01%		07 1,59%	01 0,28%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	00		00	00	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	00		00	00	
II.2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	358	358			
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		109 30,45%			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		242 67,6%			
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		07 1,96%			
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)		00			



STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1158	358	441	359	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1158 100%	358 100%	441 100%	359 100%	
1.1	áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	421 52,63%		179 40,59%	242 67,41%	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	370 46,25%		254 57,6%	116 32,31%	
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)		358			
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)		01 0,28%			
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		108 30,17%			
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	03 02,26%	00	03 0,26%	00	
5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	04 0,345%	01 0,28%	02 0,45%	01 0,28%	
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	00	00	00	00	
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	06 0,52%	01 0,28%	05 1,13%	00	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	00	00	00	00	
2	Cấp thành phố	20 1,73%	00	01 0,226%	19 5,3%	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	00	00	00	00	
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				359	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				358	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	567/591	188/170	206/253	173/186	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Đăng website
- Lưu: VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Hương